TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HS-ST
Ngày: 15/9/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Phan Đăng Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Hữu Phong và ông Hồ Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Bích Loan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Hoàng Văn Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị; địa chỉ: F N, khu phố C, xã T, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa số 04/TB-TA ngày 25/8/2026 và Thông báo hoãn phiên tòa số 05/TB-TA ngày 04/9/2026 đối với bị cáo:

1. LÊ NGỌC V, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1984, tại Quảng Trị; số CCCD: 04508000826; nơi ĐKHKTT: khu phố E, phường Q, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố T, phường Q, tỉnh Quảng Trị); nơi ở hiện tại: khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố F, phường Q, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (sinh năm 1956, đã chết) và con bà Cái Thị Kim C, sinh năm 1958; Vợ: bà Võ Thị Diệu T1, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2018), con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 11/11/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Đ, có mặt.

Bị hại: ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1994; số CCCD: 045094000309; địa chỉ: khu phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Công ty Cổ phần D; mã số doanh nghiệp: 3200700269; địa chỉ: A N, phường N, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện hợp pháp của Công ty: ông Lê Đức Q, sinh năm 1982; CCCD số: 045082007115 - Giám đốc Công ty, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1995, CCCD số: 045095009225; địa chỉ: E T, xã D, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Hoàng L, sinh năm 1985, CCCD số: 045085004412; địa chỉ: 6 T, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1991, CCCD số: 045091000767; địa chỉ: F N, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1994, CCCD số: 045194008833; địa chỉ: khu phố G, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Võ Văn L2, sinh năm 1996, CCCD số: 045096000090; địa chỉ: khu phố A, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1990, CCCD số: 045096000849; địa chỉ: khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1995, CCCD số: 045095005802; địa chỉ: khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Lê Ngọc Vĩnh Q1, sinh năm 1995, CCCD số: ; địa chỉ: khu phố E, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Duy T4, sinh năm 1997, CCCD số: 045097008543; địa chỉ: thôn Q, xã V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Bùi Quang Đ, sinh năm 1980, CCCD số: 046085001072; địa chỉ: H L, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Lê Văn C1, sinh năm 1989, CCCD số: 045089006446; địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Hải Y, sinh năm 1975, CCCD số: 045075002795; địa chỉ: I N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1998, CCCD số: 045098000238; địa chỉ: khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Lê Thị T5, sinh năm 1969, CCCD số: 044169002678; địa chỉ: D L, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Trần Thị P1, sinh năm 1981, CCCD số: 045181000496; địa chỉ: A N, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Võ Thị Diệu T1, sinh năm 1986, CCCD số: 046186000954; địa chỉ: khu phố B, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Trần Minh T6, sinh năm 1982, CCCD số: 045182007202; địa chỉ: thôn P, xã V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm L3, sinh năm 1996, CCCD số: 045196000527; địa chỉ: khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: trước ngày 09/7/2024, do vay, mượn tiền của nhiều người nhưng không có khả năng thanh toán, Lê Ngọc V đã liên hệ với ông Nguyễn Xuân T3 (sinh năm 1995, trú tại số E T, xã D, tỉnh Quảng Trị) để hỏi vay tiền. Ông T3 đồng ý cho vay nhưng yêu cầu V phải có tài sản bảo đảm. Do trước đây nhiều lần thuê xe của Công ty D do ông Lê Đức Q (sinh năm 1982, trú tại Khu phố D, phường N, tỉnh Quảng Trị) làm Giám đốc, V nảy sinh ý định thuê xe ô tô của Công ty rồi mang đi cầm cố cho ông Nguyễn Xuân T3 để vay tiền nhằm trả nợ và chi tiêu cá nhân. Vì vậy, V liên hệ với ông Q đề nghị thuê xe ô tô tự lái trong thời hạn 03 tháng. Ông Q đồng ý và thỏa thuận cho V thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Avanza,

màu trắng, biển kiểm soát 74A-134.88 với giá 800.000 đồng/ngày, tiền thuê được thanh toán định kỳ 10 ngày một lần.

Khoảng 15 giờ ngày 09/7/2024, Lê Ngọc V đến trụ sở Công ty D tại số E Bà T, phường Q, tỉnh Quảng Trị để ký hợp đồng thuê xe và nhận xe từ ông Nguyễn Thanh T2 (sinh năm 1994, trú tại Khu phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị), là thành viên góp vốn của Công ty và là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô biển kiểm soát 74A-134.88. Sau khi nhận xe, V liên hệ với ông Nguyễn Xuân T3, thông báo có xe ô tô để cầm cố và đề nghị vay số tiền 170.000.000 đồng, ông T3 đồng ý. Theo yêu cầu của ông T3, Vĩnh tự điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74A-134.88 đến nhà ông T3 tại số E T, xã D, tỉnh Quảng Trị để giao xe làm tài sản bảo đảm. Sau khi nhận xe, ông T3 sử dụng tài khoản M số 0973975777 chuyển số tiền 170.000.000 đồng vào tài khoản S1 số 040035188888 của V. Sau khi nhận được tiền, V đã sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Đến ngày 12/7/2024, do tiếp tục cần tiền để trả các khoản nợ, Lê Ngọc V liên hệ với ông Nguyễn Xuân T3 đề nghị cho vay thêm 40.000.000 đồng trên cơ sở tiếp tục cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 74A-134.88. Ông T3 đồng ý và nhờ chị Lê Thị H (sinh năm 1995, là vợ ông T3) sử dụng tài khoản V1 số 004100037168 đứng tên chị H chuyển số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản S1 của V. Sau khi nhận được tiền, V tiếp tục sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Khoảng 10 ngày sau, V đã hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân T3 số tiền 40.000.000 đồng đã vay thêm nêu trên.

Sau khi nhận tiền của ông Nguyễn Xuân T3 bị cáo đã chuyển trả nợ và tiêu xài cá nhân cho những người sau đây: ông Hoàng L tổng số tiền 30.020.900 đồng, trong đó có 20.900 đồng là phí chuyển; ông Nguyễn Thanh T2 với số tiền 3.000.000 đồng; bà Ngô Thị H1 số tiền 200.000 đồng; ông Nguyễn Tiến L1 tổng số tiền 27.020.900 đồng, trong đó có 20.900 đồng là phí chuyển; bà Nguyễn Thị Thủy N số tiền 11.300.000 đồng; ông Võ Văn L2 số tiền 37.500.000 đồng; ông Nguyễn Xuân S số tiền 7.500.000 đồng; ông Nguyễn Hữu N1 số tiền 7.500.000 đồng; ông Lê Ngọc Vĩnh Q1 số tiền 7.500.000 đồng; ông Nguyễn Duy T4 số tiền 7.500.000 đồng; ông Bùi Quang Đ số tiền 4.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 160.000 đồng; ông Lê Văn C1 số tiền 1.100.000 đồng; ông Nguyễn Hải Y số tiền 50.022.000 đồng, trong đó 22.000 đồng là phí chuyển; tài khoản Vietcombank-11884456789 (chủ tài khoản: LE ANH HOANG) số tiền 80.000 đồng; ông Nguyễn Văn P số tiền 3.000.000 đồng; bà Lê Thị T5 số tiền 3.000.000 đồng; bà Trần Thị P1 số tiền 1.500.000 đồng; bà Võ Thị Diệu T1 số tiền 3.000.000 đồng; bà Trần Minh T6 số tiền 4.000.000 đồng; bà Lê Thanh T7 số tiền 122.000 đồng; chuyển và rút tiền mặt tổng số tiền 5.780.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc Cẩm L4 số tiền 6.750.000 đồng.

Khi hết thời hạn thuê xe, ông Lê Đức Q nhiều lần yêu cầu Lê Ngọc V trả lại xe và thanh toán tiền thuê nhưng V không thực hiện. Thay vào đó, V nhiều lần xin gia hạn và lập các giấy hẹn vào các ngày 21/11/2024, 17/12/2024 và 29/12/2024, cam kết đến ngày 03/01/2025 sẽ trả xe và thanh toán đầy đủ tiền thuê, nhưng sau đó vẫn không thực hiện.

Tại Kết luận định giá tài sản số 4986/KL-HĐĐG ngày 05/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị, kết luận:

Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại AVANZA, màu trắng, biển kiểm soát: 74A-134.88, thời điểm định giá ngày 09/7/2024 là 447.525.000 đồng.

Cáo trạng số 12/ CT-VKSKV6 ngày 11/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Hoàng H3 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc V từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam 11/11/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Thanh T2 số tiền 20.000.000 đồng. Ông T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét thêm.

Đối với ông Nguyễn Xuân T3 có yêu cầu bị cáo trả số tiền 170.000.000 đồng đã cho bị cáo vay. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lê Ngọc V và ông Nguyễn Xuân T3 đã thỏa thuận được với nhau, theo đó bị cáo có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T3 số tiền 170.000.000 đồng. Các bên đã lập văn bản thể hiện nội dung thỏa thuận này và đề nghị Tòa án ghi nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng: nội dung thỏa thuận giữa ông Nguyễn Xuân T3 và bị cáo là đúng với quy định của pháp luật, các bên đề nghị Tòa án ghi nhận nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Ngọc V và ông Nguyễn Xuân T3: Bị cáo Lê Ngọc V có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T3 số tiền 170.000.000 đồng**.**

Đối với ông Nguyễn Xuân T3, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 74A-134.88, ông T3 không biết đây là tài sản do Lê Ngọc V phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Bị cáo khai nhận, đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nêu, bị cáo không khiếu nại gì về nội dung cáo trạng, thấy đúng với hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản vụ việc; vật chứng thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do vay, mượn tiền của nhiều người nhưng không có khả năng trả nợ, ngày 09/7/2024, Lê Ngọc V đã thuê xe ô

tô nhãn hiệu Toyota Avanza, biển kiểm soát 74A-134.88 chủ sở hữu là ông Nguyễn Thanh T2 do Công ty D quản lý để đi lại. Sau khi thuê được xe của ông Nguyễn Thanh T2, bị cáo đã mang xe đến cầm cố cho ông Nguyễn Xuân T3 để vay tổng số tiền 210.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, bị cáo đã dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhânđứng tên để sử dụng đi lại rồi mang đi cầm cố để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tại Kết luận định giá tài sản số 4986/KL-HĐĐG ngày 05/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị, kết luận: xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại AVANZA, biển kiểm soát: 74A-134.88, thời điểm định giá ngày 09/7/2024 là 447.525.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Ngọc V đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Cáo trạng số 37/CT-VKSKV6 ngày 16/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị truy tố bị cáo Lê Ngọc V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được bản thân không có nhu cầu thuê xe để đi lại nhưng vẫn dùng thủ đoạn gian dối để cố ý thuê xe nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Bị cáo Lê Ngọc V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động với gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại 20.000.000 đồng. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có tham gia làm từ thiện giúp đỡ bệnh nhân tại bệnh viện T8 nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời xem xét quá trình nhân thân để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và phòng ngừa chung.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Ngọc V đang với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt gồm một xe ô tô nhãn hiệu Toyota Avanza, biển kiểm soát 74A-134.88. Quá trình điều tra, người bị hại là ông Nguyễn Thanh T2 đã nhận lại xe và nhận 20.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại từ gia đình bị cáo bồi thường thay cho bị cáo. Ông T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Đối với ông Nguyễn Xuân T3 có yêu cầu bị cáo trả số tiền 170.000.000 đồng đã cho bị cáo vay trên cơ sở cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Toyota Avanza, biển kiểm soát 74A-134.88. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lê Ngọc V và ông Nguyễn Xuân T3 đã thỏa thuận được với nhau, theo đó bị cáo có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T3 số tiền 170.000.000 đồng. Các bên đã lập văn bản thể hiện nội dung thỏa thuận này và đề nghị Tòa án ghi nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng: nội dung thỏa thuận giữa ông Nguyễn Xuân T3 và bị cáo là đúng với quy định của pháp luật, các bên đề nghị Tòa án ghi nhận nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Ngọc V và ông Nguyễn Xuân T3: Bị cáo Lê Ngọc V có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T3 số tiền 170.000.000 đồng**.**

[5] Đối với ông Nguyễn Xuân T3, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 74A-134.88, ông T3 không biết đây là tài sản do Lê Ngọc V phạm tội mà có nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm của ông T3.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đối với nghĩa vụ bồi thường dân sự, trước khi mở phiên tòa, bị cáo và ông Nguyễn Xuân T3 đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường khoản tiền 170.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Do đó các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền 170.000.000 đồng theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo **Lê Ngọc V** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam 11/11/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Ngọc V và ông Nguyễn Xuân T3: Bị cáo Lê Ngọc V có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T3 số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày ông Nguyễn Xuân T3 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được ghi nhận trong bản án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo Lê

Ngọc V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Võ Thị Diệu T1) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKS nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đăng Khoa